

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện công tác Cải cách hành chính quý I năm 2025

Kính gửi: UBND huyện Định Hóa.

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

- Các hoạt động chỉ đạo, điều hành nổi bật của lãnh đạo địa phương đối với công tác CCHC: Nhằm đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác cải cách hành chính trong năm 2025 trên địa bàn xã Phú Đình, ngay từ đầu năm lãnh đạo Đảng ủy; HĐND; UBND xã đã quan tâm, chú trọng công tác cải cách hành chính. Đảng ủy, HĐND xã ban hành Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội địa phương có lồng ghép nội dung đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính. UBND xã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 09/01/2025 kế hoạch cải cách hành chính xã Phú Đình năm 2025; Kế hoạch số 15/KH-UBND, ngày 14/01/2025 tuyên truyền Cải cách hành chính xã Phú Đình năm 2025. Tại các cuộc họp giao ban cơ quan quán triệt các cán bộ, công chức tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ công tác cải cách hành chính, giải quyết hồ sơ TTHC. Chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân về công tác CCHC; đôn đốc, đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến; đề ra các giải pháp nâng cao chỉ số CCHC năm 2025.

- Đánh giá tiến độ thực hiện kế hoạch CCHC năm 2025: UBND xã ban hành Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 09/01/2025 kế hoạch cải cách hành chính xã Phú Đình năm 2025. Trong đó, đề ra 06 nhiệm vụ trọng tâm, đến nay đã hoàn thành 02/06 nhiệm vụ, 02 nhiệm vụ thực hiện thường xuyên. UBND xã tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, đôn đốc thực hiện, đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ đề ra kịp thời, hiệu quả.

- Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC: UBND xã ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 14/01/2025 kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính xã Phú Đình năm 2025. Công tác thông tin, tuyên truyền được thực hiện thông qua các cuộc họp, hội nghị giao ban giữa UBND với các Bí thư chi bộ, Trưởng xóm; đăng tải các văn bản, kế hoạch về cải cách hành chính trên Trang thông tin điện tử của xã.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng hoặc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Trong quý I năm 2025, HĐND và UBND xã không ban hành văn bản quy phạm pháp luật nào.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật: UBND xã ban hành Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 14/01/2025 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật và quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã Phú Đình năm 2025; Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 21/02/2025 theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực trọng tâm, liên ngành năm 2025 trên địa bàn xã Phú Đình. Công tác kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật được thực hiện kịp thời, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật được quan tâm đã ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực; Ý thức chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân được nâng cao hạn chế được tình hình vi phạm pháp luật trên địa bàn.

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật: UBND xã ban hành Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 24/01/2025 về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025. Trong quý I, UBND xã chưa tổ chức được hội nghị tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, chủ yếu tuyên truyền lồng ghép qua các hội nghị giao ban, triển khai công tác năm 2025. Dự kiến trong tháng 4 tổ chức 01 hội nghị tuyên truyền, phổ biến về các văn bản pháp luật mới năm 2025.

- Kết quả kiểm tra, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: UBND xã ban hành Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 29/02/2025 về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. Trong quý I, tổng số văn bản được rà soát là 38 văn bản (Quyết định do UBND xã ban hành). Qua rà soát, không có văn bản nào vi phạm pháp luật.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Kết quả thực hiện Kế hoạch rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: UBND xã ban hành Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 06/02/2025 về rà soát, đánh giá TTHC trên địa bàn xã Phú Đình năm 2025. Trong đó, số TTHC đưa ra thực hiện rà soát, đánh giá là 05 thủ tục. Hiện nay, UBND xã đang tiến hành tổ chức thực hiện rà soát, đánh giá TTHC và hoàn thành trong tháng 4/2025.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã: Tổng số TTHC 126 thủ tục.

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+ Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa: UBND xã được đầu tư xây dựng nhà Một cửa mới, bố trí tương đối đầy đủ về trang thiết bị, cơ sở vật chất như: Có hệ thống camera giám sát kết nối với cấp trên; quạt mát; ghế ngồi chờ; máy photocopy; hệ thống máy tính có kết nối Internet; máy scan; máy điều hòa nhiệt độ; tủ đựng tài liệu... cơ bản đáp ứng hoạt động giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch. Ứng dụng có hiệu quả hệ thống phần mềm Một cửa điện tử, cập nhật kịp thời hồ sơ giải quyết TTHC, không để hồ sơ quá hạn. Đây mạnh tuyên truyền các tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng Dịch vụ công.

UBND xã đã ban hành Quyết định số 266/QĐ-UBND ngày 23/12/2024 về việc phê duyệt danh sách cán bộ, công chức được cử đến làm việc tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thuộc UBND xã Phú Đình, đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện và số lượng theo quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP; ban hành Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 05/01/2021 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả xã Phú Đình (đến nay chưa có thay đổi).

+ Kết quả số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: Thực hiện chỉ đạo của UBND huyện, UBND xã đã chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở các công chức chuyên môn thực hiện số hóa các hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC, đảm bảo kế hoạch đề ra. Trong quý I, UBND xã đã thực hiện số hóa được 1097/1100 hồ sơ đạt 99,73%.

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC quý I (từ 15/12/2024 đến 14/3/2025): Tổng số 1144 hồ sơ (trong đó: hồ sơ kỳ trước chuyển sang: 27); Hồ sơ tiếp nhận qua mạng: 1117; Hồ sơ đã giải quyết: 1127; hồ sơ giải quyết trước hạn: 415; hồ sơ giải quyết đúng hạn: 712; hồ sơ quá hạn: 0; Hồ sơ đang giải quyết: 17 (chưa tới hạn).

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong quý I năm 2025, trên địa bàn xã không có phản ánh, kiến nghị nào về quy định hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- UBND xã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ là cơ quan hành chính Nhà nước ở địa phương theo Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019.

- Thực hiện tốt công tác sắp xếp, sáp nhập xóm trên địa bàn. Kết quả sau khi sáp nhập từ 22 xóm hiện nay còn 13 xóm.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức: Việc quản lý, sử dụng công chức và người lao động thuộc cơ quan UBND xã được thực hiện đúng theo quy định của Luật cán bộ, công chức và các văn bản hướng dẫn thi hành. Thực hiện nghiêm túc việc điều động, bổ nhiệm của cấp trên đối với cán bộ, công chức. Cuối năm, tổ chức đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức. Thực hiện chế độ khen thưởng đối với cán bộ, công chức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo quy định. Căn cứ vào vị trí, chức danh của từng công chức, UBND xã bố trí việc làm đúng người đúng việc.

- UBND xã thực hiện đúng các quy định về phân cấp quản lý nhà nước. Hằng năm ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế làm việc của UBND; thực hiện nghiêm chế độ làm việc, thời giờ làm việc, đặc biệt thực hiện tốt công tác phối hợp với các ngành, đoàn thể liên quan.

4. Cải cách chế độ công vụ

- Ngay từ đầu nhiệm kỳ, HĐND xã ban hành Quy chế hoạt động của HĐND xã khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026 tại Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 29/11/2021. UBND xã ban hành Quy chế làm việc của UBND khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2026 tại Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 12/8/2021, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể cho từng chức danh cán bộ, công chức thuộc UBND xã. Hằng năm, UBND xã sẽ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có). Thực hiện Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, UBND xã đã ban hành Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 05/01/2024 về việc phân công nhiệm vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND, công chức thuộc UBND xã nhiệm kỳ 2021-2026.

- Tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức: UBND xã triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 26/CT-TTg ngày 05/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước các cấp và Chỉ thị số 20/CT-UBND ngày 09/9/2016 của UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính tỉnh Thái Nguyên; Chỉ thị số 03/CT-UBND ngày 21/01/2021 của Chủ tịch UBND huyện Định Hóa về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện Định Hóa. Trong quý I, không xảy ra trường hợp vi phạm về kỷ luật, kỷ cương hành chính.

- Kết quả thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: Hiện nay, có 01 cán bộ đang học lớp Trung cấp chính trị tại huyện; các cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng, tập huấn do huyện, tỉnh triệu tập.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công:

Công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại địa phương luôn được chú trọng, đảm bảo thực hiện theo đúng Luật quản lý, sử dụng tài sản công và Quy chế sử dụng tài sản công của xã. Thực hiện hiệu quả, đảm bảo tiết kiệm, sử dụng đúng tiêu chuẩn định mức, đúng mục đích; việc sử dụng tài sản nhằm mục đích phục vụ trong hoạt động công vụ mang lại hiệu quả công việc cao nhất.

Ngay từ đầu năm, UBND xã ban hành Quy chế sử dụng tài sản công thuộc UBND xã quản lý; quy chế được thông qua tại hội nghị cán bộ, công chức và thực hiện niêm yết tại trụ sở UBND, đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử xã. Nhằm đảm bảo các cán bộ, công chức nắm rõ các quy định của việc quản lý, sử dụng tài sản công, qua đó thực hiện sử dụng tài sản công một cách tiết kiệm, hiệu quả, mang lại hiệu quả cao trong việc thực hiện nhiệm vụ công vụ tại địa phương.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

- UBND xã ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 14/01/2025 về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Nhà nước xã Phú Đình năm 2025; Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 14/01/2025 kế hoạch Chuyển đổi số xã Phú Đình năm 2025; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 26/01/2024 về Phát triển kinh tế số và xã hội số trên địa bàn xã Phú Đình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Hoạt động của Trang thông tin điện tử xã: UBND xã thành lập Ban biên tập và giao cho công chức Văn hóa - Xã hội phụ trách Trang thông tin điện tử của xã. Trong quý I, UBND xã tiếp tục chỉ đạo các cán bộ, công chức tích cực đăng tải các tin, bài liên quan đến lĩnh vực chuyên môn trên Trang thông tin điện tử xã; đăng tải các văn bản của HĐND và UBND xã ban hành theo quy định; công khai kế hoạch sử dụng đất; các văn bản về công tác cải cách hành chính... trên Trang thông tin điện tử của xã. Tuy nhiên, các tin bài đăng về công tác CCHC trên Trang TTĐT còn hạn chế.

- Kết quả ứng dụng các phần mềm dùng chung, phần mềm chuyên ngành: Chỉ đạo ứng dụng tốt các phần mềm như phần mềm QLVB và hỗ trợ điều hành; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; phần mềm đăng ký và quản lý hộ tịch; phần mềm quản lý ngân sách...

- Kết quả khai thác, sử dụng hệ thống thư điện tử: Việc khai thác, sử dụng hệ thống thư điện tử còn hạn chế, vì các cán bộ, công chức vẫn chủ yếu sử dụng địa chỉ hòm thư gmail cá nhân trong trao đổi công việc.

- Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Chỉ đạo quyết liệt việc tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến qua cổng Dịch vụ công. 100% thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến (trong

đó dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 42 dịch vụ). Đến kỳ báo cáo, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến đạt 97,63% (1117/1144 hồ sơ).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực.

Có văn bản chỉ đạo hướng dẫn của cấp trên trong việc thực hiện công tác cải cách hành chính. Có sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong công tác cải cách hành chính. Cán bộ, công chức được cung cấp những trang thiết bị, đồ dùng thiết yếu để phục vụ trong công tác chuyên môn và giải quyết công việc. Các công chức chuyên môn tham mưu thực hiện tốt việc giải quyết TTHC cho công dân, không để xảy ra tình trạng hồ sơ quá hạn; cập nhật đầy đủ, kịp thời hồ sơ trên phần mềm Một cửa điện tử. Không để xảy ra tình trạng phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính.

2. Những hạn chế, tồn tại và nguyên nhân.

- Công tác hiện đại hóa nền hành chính, đặc biệt là đầu tư cơ sở vật chất cho Bộ phận Một cửa còn khó khăn, do xã chưa bố trí được kinh phí.

- Người dân còn lúng túng trong việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Do trình độ dân trí không đồng đều; một số người dân chưa sử dụng điện thoại thông minh...nên khó khăn cho việc tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Công tác chỉ đạo, điều hành: Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, gắn vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu đối với công tác CCHC của địa phương.

Đẩy mạnh triển khai thực hiện các nội dung của kế hoạch CCHC; kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC và kế hoạch kiểm soát TTHC năm 2025.

2. Cải cách thể chế: Tiếp tục thực hiện tốt công tác xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật đúng quy định. Thực hiện tốt kế hoạch về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

3. Cải cách thủ tục hành chính: Tiếp tục rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính; rà soát, ban hành văn bản bám sát nội dung các văn bản cấp trên, cụ thể hoá phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương. Đẩy mạnh cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến người dân.

4. Cải cách tổ chức bộ máy: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả về kỷ luật, kỷ

cương hành chính. Tăng cường việc nâng cao vai trò, hiệu quả làm việc của cán bộ công chức trong thực thi công vụ. Thực hiện cập nhật kịp thời, đầy đủ thông tin về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách trong hồ sơ quản lý CB, CC và thực hiện lập hồ sơ theo dõi việc cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

5. Cải cách chế độ công vụ: Tiếp tục tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng nhu cầu công việc hiện nay. Thực hiện tốt Thực hiện thống kê, báo cáo định kỳ đầy đủ.

6. Cải cách tài chính công: Tiếp tục duy trì và triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP. Thực hiện tốt các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

7. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số: Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động của cơ quan. Thực hiện tốt kế hoạch thực hiện chương trình Chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025; thực hiện hiệu quả kế hoạch chuyển đổi số năm 2025. Thực hiện tốt việc ứng dụng các phần mềm dùng chung và phần mềm chuyên ngành. Nâng cao chất lượng mạng nội bộ để cập nhật, xử lý văn bản, trong điều hành, quản lý và giải quyết công việc. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân tích cực thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề nghị UBND huyện đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động của Bộ phận Một cửa cấp xã, hiện đại hóa hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công cho tổ chức, cá nhân đến giao dịch.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính quý I năm 2025 của UBND xã Phú Đình./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Nội vụ;
- Đảng ủy - HĐND xã;
- Các ngành, đoàn thể;
- CBCC chuyên môn;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trương Văn Vượng

PHỤ LỤC
BÁO CÁO CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ I NĂM 2025
(Kèm theo Báo cáo số: /BC-UBND ngày 14/3/2025 của UBND xã Phú Đình)

STT	Các chỉ tiêu (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC			
1.1.	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch CCHC năm (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	33,3	
Trong đó	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	06	
	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	02	
1.2.	Kiểm tra CCHC			
1.2.1.	Tỷ lệ phòng chuyên môn, đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp huyện đã kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
1.2.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
1.2.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (tính lũy kế từ đầu năm)	%		
Trong đó	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
1.3.	Thực hiện nhiệm vụ Chủ tịch UBND huyện, UBND huyện giao			
1.3.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
1.3.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
1.3.3.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.4.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng		
1.4.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
1.5.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL do HĐND, UBND cấp huyện đã ban hành (cấp xã)	Văn bản	0	

2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp huyện	-	-	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản		
2.4.	Tỷ lệ xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát	%		
Trong đó	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản		
	Số VBQPPL đã được xử lý xong	Văn bản		
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thông kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới thuộc thẩm quyền	Thủ tục		
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục		
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	126	
Trong đó	Số TTHC cấp huyện	Thủ tục		
	Số TTHC cấp xã	Thủ tục	126	
3.2.	Vận hành Công dịch vụ công (DVC)			
3.2.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%		
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
3.2.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%		
Trong đó	Tổng số TTHC đủ điều kiện	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục		
	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục		
3.2.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%		
Trong đó	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4	Thủ tục		
	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai	Thủ tục		
3.2.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%	97,63	
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)	Hồ sơ	1144	

	Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến	Hồ sơ	1117	
3.2.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%		
Trong đó	Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	Thủ tục		
	Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	Thủ tục		
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục		
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục		
3.3.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục		
3.3.4.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%		
3.3.5.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%		
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ		
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
Trong đó	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	1127	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn, trước hạn	Hồ sơ	1127	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
4.1.5.	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện đã cắt giảm so với năm 2015	%		
Trong đó	Tổng số đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện	Đơn vị		
	Số đơn vị sự nghiệp tại thời điểm báo cáo	Đơn vị		
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	21	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	21	

4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người		
4.2.4.	Số biên chế đã tính giảm trong kỳ báo cáo	Người		
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tính giảm so với năm 2015	%		
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người		
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người		
4.3.3.	Số người đã tính giảm trong kỳ báo cáo	Người		
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tính giảm so với năm 2015	%		
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị		
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người		
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người		
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người		
5.3.	Số lượng lãnh đạo quản lý cấp phòng thuộc UBND cấp huyện được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển.	Người		
5.4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).	Người		
Trong đó	Số lãnh đạo UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người		
	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các ĐVSN bị kỷ luật.	Người		
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		

Trong đó	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
	Đã thực hiện	Triệu đồng		
6.2	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
6.2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị		
6.2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
6.2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
Trong đó	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
6.2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị		
6.2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1		
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2		
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0		

		Đang làm = 1 Hoàn thành = 2		
7.5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.5.1.	Tỷ lệ thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp huyện đến cấp xã	%		
7.5.2.	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn dưới dạng điện tử	Văn bản	304	
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	98	
7.5.3	Tỷ lệ văn bản được gửi dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	10	
7.6.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.6.1.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.6.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		